

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-34

100
C T
M H
E M
S
0

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama được thành lập theo Quyết định số 925/QĐ-BXD ngày 29 tháng 06 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 09-03-000.12 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp và thay đổi lần thứ 6 ngày 29 tháng 07 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình cấp với mã số doanh nghiệp là 2700224390.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Triều	Chủ tịch	
Ông Ngô Quốc Thịnh	Thành viên	
Ông Hoàng Thế Bình	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Hưởng	Thành viên	
Ông Dương Thanh Phương	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/04/2025
Ông Trương Tấn Tuyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Thế Bình	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lại Việt Tân	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Như Quỳnh	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Minh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/04/2025
Bà Trần Thị Minh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là ông Hoàng Thế Bình - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

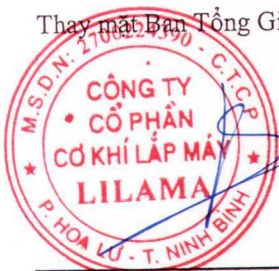
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Thế Bình
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Số: 250326.013/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama được lập ngày 25 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại ngày 31/12/2025, Công ty đang theo dõi một số khoản công nợ trên các khoản mục phải thu, phải trả với giá trị lần lượt tại từng khoản mục như sau:

Khoản mục	Giá trị
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	29.888.211.648 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	150.953.691 VND
Phải thu ngắn hạn khác	666.867.147 VND
Phải trả người bán ngắn hạn	11.047.118.210 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.484.673.652 VND
Phải trả ngắn hạn khác	4.936.466.457 VND

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ tại ngày 31/12/2025 của các khoản công nợ nói trên. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được tính chính xác của số dư các khoản mục nêu trên trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu có liên quan (nếu có) trên Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		178.678.648.095	172.845.158.216
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	779.437.601	3.706.398.703
111	1. Tiền		779.437.601	3.706.398.703
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	138.200.000	311.600.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		138.200.000	311.600.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		104.748.122.895	98.796.880.304
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	77.889.922.400	83.500.037.770
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.242.028.544	150.953.690
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	35.504.928.249	26.034.645.142
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.888.756.298)	(10.888.756.298)
140	IV. Hàng tồn kho	9	73.012.887.599	69.976.279.209
141	1. Hàng tồn kho		73.012.887.599	69.976.279.209
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	54.000.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	-	54.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.866.955.970	8.544.535.188
220	II. Tài sản cố định		2.017.563.435	2.193.797.229
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.017.563.435	2.193.797.229
222	- Nguyên giá		61.200.023.317	61.132.282.590
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(59.182.459.882)	(58.938.485.361)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	291.702.780	138.200.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		291.702.780	138.200.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.557.689.755	6.212.537.959
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	5.557.689.755	6.212.537.959
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		186.545.604.065	181.389.693.404

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		181.507.439.219	175.353.321.900
310	I. Nợ ngắn hạn		181.507.439.219	175.353.321.900
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	25.057.413.365	28.548.621.792
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	7.209.178.468	1.484.673.652
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.923.229.235	3.943.939.480
314	4. Phải trả người lao động		3.299.730.377	6.022.305.273
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.925.572.120	3.211.957.580
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	60.270.220.259	50.198.728.728
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	81.714.159.087	81.835.159.087
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		107.936.308	107.936.308
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.038.164.846	6.036.371.504
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	5.038.164.846	6.036.371.504
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		32.651.550.000	32.651.550.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		32.651.550.000	32.651.550.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.102.723.500	3.102.723.500
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(30.716.108.654)	(29.717.901.996)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(29.717.901.996)	(28.225.154.524)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(998.206.658)	(1.492.747.472)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		186.545.604.065	181.389.693.404



Đỗ Mạnh Thành
Người lập

Nguyễn Mạnh Hưởng
Kế toán trưởng

Hoàng Thế Bình
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	48.361.682.955	67.939.382.540
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.361.682.955	67.939.382.540
11	4. Giá vốn hàng bán	21	44.798.008.007	64.249.948.653
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.563.674.948	3.689.433.887
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	28.475.394	73.337.149
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	4.204.355.825	4.492.023.051
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(612.205.483)	(729.252.015)
31	11. Thu nhập khác	24	27.090.909	200.000.000
32	12. Chi phí khác	25	413.092.084	952.187.857
40	13. Lợi nhuận khác		(386.001.175)	(752.187.857)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(998.206.658)	(1.481.439.872)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	11.307.600
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(998.206.658)	(1.492.747.472)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(306)	(457)



Đỗ Mạnh Thành
Người lập

Nguyễn Mạnh Hưởng
Kế toán trưởng

Hoàng Thế Bình
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(998.206.658)	(1.481.439.872)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		522.971.794	1.108.167.635
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(47.566.303)	(1.115.890)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(522.801.167)	(374.388.127)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(5.951.242.591)	(4.724.906.699)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.036.608.390)	4.847.365.684
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.969.757.485)	4.492.259.954
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		708.848.204	33.333.333
14	- Tiền lãi vay đã trả		10.244.874.804	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(314.470.786)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.526.686.625)	3.959.193.359
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(346.738.000)	(266.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		19.090.909	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(575.693.687)	(449.800.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		595.590.907	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		28.475.394	1.115.890
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(279.274.477)	(714.684.110)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.100.000.000	575.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.221.000.000)	(2.829.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(121.000.000)	(2.254.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.926.961.102)	990.509.249
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.706.398.703	2.715.889.454
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>779.437.601</u>	<u>3.706.398.703</u>



Đỗ Mạnh Thành
Người lập

Nguyễn Mạnh Hưởng
Kế toán trưởng

Hoàng Thế Bình
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama được thành lập theo Quyết định số 925/QĐ-BXD ngày 29 tháng 06 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 09-03-000.12 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp và thay đổi lần thứ 6 ngày 29 tháng 07 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình cấp với mã số doanh nghiệp là 2700224390.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 32.651.550.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 32.651.550.000 VND; tương đương 3.265.155 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 125 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 135 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (giao thông, thủy lợi, công nghiệp, đường điện, trạm biến áp, xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền móng);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (trang trí nội thất);
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác;
- Khảo sát, tư vấn: Kết cấu dân dụng, công nghiệp; quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội - ngoại thất dân dụng, công nghiệp; cấp điện ngành nông nghiệp; chế tạo thiết bị máy cơ khí;
- Kiểm tra mối hàn (siêu âm, thăm thấu, từ tính Xray); hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; chống ăn mòn bề mặt kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi;
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị;
- Sản xuất thiết bị điện (cơ, điện);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Sản xuất, bán hoá chất cơ bản (khí công nghiệp);
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Đại lý (mua bán, gửi hàng hoá).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Đến thời điểm 31/12/2025, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty đã vượt 36,03 lần vốn chủ sở hữu, đồng thời các khoản nợ vay, nợ thuế phải nộp ngân sách Nhà nước, nợ bảo hiểm xã hội đã quá hạn với tổng số tiền 145,404 tỷ VND. Công ty có kết quả kinh doanh lỗ lũy kế liên tiếp từ năm 2021 đến nay. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế xã hội đã dần hồi phục, các dự án đầu tư công đang được chính phủ đẩy mạnh thực hiện và giải ngân, Công ty tin tưởng rằng thông qua thực hiện các hợp đồng xây lắp đã ký kết trong các năm tiếp theo sẽ tạo ra dòng tiền để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thanh toán các khoản nợ. Do đó, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 vẫn được lập và trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn căn cứ theo khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty là công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng: Được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Giá vốn Hợp đồng xây dựng

Giá vốn hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành phù hợp với doanh thu và được xác định một cách đáng tin cậy.

Nếu tổng chi phí của hợp đồng vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

2.21 . Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	323.828.288	1.819.343.535
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	455.609.313	1.887.055.168
	779.437.601	3.706.398.703

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	138.200.000	-	311.600.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	138.200.000	-	311.600.000	-
Đầu tư dài hạn	291.702.780	-	138.200.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	291.702.780	-	138.200.000	-
	429.902.780	-	449.800.000	-

Tại ngày 31/12/2025, các khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ 05 tháng đến 24 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,23%/năm đến 5,5%/năm.

Tại ngày 31/12/2025, các khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị 429.902.780 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	18.776.958.934	(1.331.132.087)	25.973.861.924	(1.331.132.087)
Công ty Cổ phần Lilama 5	3.071.285.399	(1.331.132.087)	3.071.285.399	(1.331.132.087)
Công ty Cổ phần Lilama 45-3	34.320.000	-	34.320.000	-
Công ty Cổ phần Lilama 10	61.265.913	-	366.555.531	-
Công ty Cổ phần Lilama 69-3	-	-	355.128.378	-
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	15.610.087.622	-	22.146.572.616	-
<i>Bên khác</i>	59.112.963.466	(9.546.336.195)	57.526.175.846	(9.546.336.195)
Công ty Cổ phần Xi măng Bút Sơn	14.917.166.546	-	14.917.166.546	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hữu Nghị	10.808.720.654	-	10.808.720.654	-
Công ty TNHH Hương Hải Group	7.897.885.957	-	9.197.885.957	-
Phải thu khách hàng khác	25.489.190.309	(9.546.336.195)	22.602.402.689	(9.546.336.195)
	77.889.922.400	(10.877.468.282)	83.500.037.770	(10.877.468.282)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Công Nghệ và Thiết bị hàn	62.782.350	-	62.782.350	-
Công ty TNHH Tập đoàn Tư vấn Xây dựng Trường Thịnh	28.158.204	-	28.158.204	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Cao su Băng tải Thăng Long	27.060.000	-	27.060.000	-
Công ty TNHH Nhất Nước	26.685.120	-	26.685.120	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Nguyễn Phúc	1.801.430.619	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	295.912.251	-	6.268.016	-
	2.242.028.544	-	150.953.690	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Tạm ứng	3.067.692.718	-	3.780.296.158	-
Ký cược, ký quỹ	8.780.000	-	46.580.000	-
Chi phí lãi vay	31.559.549.652	-	21.314.674.848	-
Phải thu khác	868.905.879	(11.288.016)	893.094.136	(11.288.016)
	35.504.928.249	(11.288.016)	26.034.645.142	(11.288.016)
<i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
Bên liên quan	941.760.145	-	977.915.089	-
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP Nguyễn Gia Khánh	212.609.090	-	248.764.034	-
Nguyễn Gia Khánh Công ty Cổ phần Lilama 45-3	722.668.455	-	722.668.455	-
	6.482.600	-	6.482.600	-
Bên khác	34.563.168.104	(11.288.016)	25.056.730.053	(11.288.016)
Công ty Cổ phần Lisemco	158.532.673	-	158.532.673	-
Trung tâm Hội nghị Quốc gia Việt Nam	145.765.222	-	145.765.222	-
Vũ Mạnh Phú	1.454.455.990	-	2.283.621.141	-
Trịnh Xuân Hải	541.763.790	-	541.763.790	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	31.559.549.652	-	21.314.674.848	-
Phải thu đối tượng khác	703.100.777	(11.288.016)	612.372.379	(11.288.016)
	35.504.928.249	(11.288.016)	26.034.645.142	(11.288.016)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

8 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH XNK Thủ công Mỹ nghệ Đồng Thành	2.523.965.600	-	2.523.965.600	-
- Công ty Liên doanh Xây dựng Hà Nội - Bắc Kinh	3.350.989.756	-	3.350.989.756	-
- Công ty Cổ phần 77	1.668.805.327	-	1.668.805.327	-
- Công ty Cổ Phần Lisemco	2.101.366.729	1.074.420.482	2.101.366.729	1.074.420.482
- Các đối tượng khác	4.345.157.456	2.027.108.088	4.345.157.456	2.027.108.088
	13.990.284.868	3.101.528.570	13.990.284.868	3.101.528.570

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	232.348.998	-	622.349.293	-
Công cụ, dụng cụ	144.860.316	-	172.259.363	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	72.635.678.285	-	69.181.670.553	-
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	12.951.035.268	-	13.517.778.775	-
- Dự án Xi măng Xuân Thành Line 3	14.327.268.127	-	14.327.268.127	-
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	10.984.400.641	-	10.964.732.012	-
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2	6.746.310.597	-	6.746.310.597	-
- Dự án Công trình Điện Vũng Áng	11.195.109.081	-	9.439.788.221	-
- Dự án Nhà máy điện Văn Phong 1	3.377.441.875	-	3.544.582.829	-
- Dự án Công trình sửa chữa Nhà máy Đạm Ninh Bình	-	-	1.079.931.066	-
- Dự án khác	13.054.112.696	-	9.561.278.926	-
	73.012.887.599	-	69.976.279.209	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẬP MÁY LILAMA

Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	8.154.845.990	15.246.793.878	36.576.831.021	126.710.252	1.027.101.449	61.132.282.590
- Mua trong năm	-	-	346.738.000	-	-	346.738.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(278.997.273)	-	-	(278.997.273)
Số dư cuối năm	8.154.845.990	15.246.793.878	36.644.571.748	126.710.252	1.027.101.449	61.200.023.317
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	7.306.222.081	14.953.756.850	35.524.694.729	126.710.252	1.027.101.449	58.938.485.361
- Khấu hao trong năm	142.249.396	44.083.344	336.639.054	-	-	522.971.794
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(278.997.273)	-	-	(278.997.273)
Số dư cuối năm	7.448.471.477	14.997.840.194	35.582.336.510	126.710.252	1.027.101.449	59.182.459.882
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	848.623.909	293.037.028	1.052.136.292	-	-	2.193.797.229
Tại ngày cuối năm	706.374.513	248.953.684	1.062.235.238	-	-	2.017.563.435

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 637.126.501 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 52.884.691.866 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	54.000.000
	<u>-</u>	<u>54.000.000</u>
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	5.557.689.755	6.212.537.959
	<u>5.557.689.755</u>	<u>6.212.537.959</u>

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	100.516.456	100.516.456	86.928.579	86.928.579
Công ty Cổ phần Lilama 7	86.928.579	86.928.579	86.928.579	86.928.579
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	13.587.877	13.587.877	-	-
Bên khác	24.956.896.909	24.956.896.909	28.461.693.213	28.461.693.213
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Vũ Trịnh Gia Bảo	3.223.846.960	3.223.846.960	3.423.846.960	3.423.846.960
Công ty TNHH MTV Chống Ăn mòn Trần Hào 126	3.061.119.201	3.061.119.201	3.261.119.201	3.261.119.201
Công ty CP Thương mại Xây dựng và Lắp máy Hà Nội	369.562.667	369.562.667	769.562.667	769.562.667
Công ty TNHH Dịch vụ Công nghiệp Tràng An 268	3.717.995.781	3.717.995.781	5.547.191.911	5.547.191.911
Công ty TNHH Xây lắp Hồng Mạnh Phát	2.913.119.472	2.913.119.472	2.630.888.582	2.630.888.582
Phải trả nhà cung cấp khác	11.671.252.828	11.671.252.828	12.829.083.892	12.829.083.892
	<u>25.057.413.365</u>	<u>25.057.413.365</u>	<u>28.548.621.792</u>	<u>28.548.621.792</u>

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan	1.484.673.482	1.484.673.482
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	1.484.673.482	1.484.673.482
Bên khác	5.724.504.986	170
Công ty Cổ phần Mai Thanh Group	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp và Hệ thống Kỹ thuật Lilama69-3	2.724.504.816	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	170	170
	<u>7.209.178.468</u>	<u>1.484.673.652</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẬP MÁY LILAMA

Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.543.719.940		1.262.245.138	1.796.095.407		-	1.009.869.671				
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-		52.899.605	52.899.605		-	-				
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	2.123.705.215		405.079.693	1.956.908.168		-	571.876.740				
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	276.514.325		408.092.046	343.123.547		-	341.482.824				
	-	3.943.939.480		2.128.316.482	4.149.026.727		-	1.923.229.235				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Thuế cơ sở 1 tỉnh Ninh Bình	820.861.859	2.380.866.519
- Thuế tỉnh Ninh Bình	1.102.367.376	1.563.072.961
	1.923.229.235	3.943.939.480

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMASố 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
- Chi phí trích trước Công trình Xi măng Bút Sơn	1.588.264.116	1.588.264.116
- Trích trước chi phí công trình Đạm Ninh Bình	259.408.000	600.000.000
- Chi phí trích trước Công trình Xi măng Xuân Sơn	-	1.023.693.464
- Trích trước Công trình chế tạo lẻ trạm thu phí Liêm Sơn Xuân Thành	77.900.004	-
	<u>1.925.572.120</u>	<u>3.211.957.580</u>

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	2.467.349.730	2.349.026.441
- Bảo hiểm xã hội	10.004.122.728	10.981.891.498
- Bảo hiểm y tế	870.367.035	875.104.038
- Bảo hiểm thất nghiệp	127.112.327	128.810.177
- Phải trả lãi vay	43.701.417.598	33.456.542.794
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.099.850.841	2.407.353.780
	<u>60.270.220.259</u>	<u>50.198.728.728</u>
Chi tiết theo đối tượng		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	43.701.417.598	33.456.542.794
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Ninh Bình	11.001.602.090	11.985.805.713
- Công đoàn Tổng Công ty Lilama - CTCP	2.467.349.730	2.349.026.441
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.099.850.841	2.407.353.780
	<u>60.270.220.259</u>	<u>50.198.728.728</u>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Phải trả cơ quan Bảo hiểm xã hội	11.001.602.090	11.985.805.713
- Phải trả lãi vay	43.701.417.598	33.456.542.794
	<u>54.703.019.688</u>	<u>45.442.348.507</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẬP MÁY LILAMA

Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình ⁽¹⁾	81.580.159.087	81.580.159.087	-	836.000.000	80.744.159.087	80.744.159.087
- Vay về huy động vốn kinh doanh ⁽²⁾	255.000.000	255.000.000	1.100.000.000	385.000.000	970.000.000	970.000.000
	81.835.159.087	81.835.159.087	1.100.000.000	1.221.000.000	81.714.159.087	81.714.159.087

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình theo hợp đồng tín dụng số 10268/2021/427892/HĐTD ngày 05 tháng 02 năm 2021:
- + Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh cho hoạt động xây lắp;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 05/02/2021 đến 21/01/2022;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 80.744.159.087 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các Hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá mà Bên vay ký kết với ngân hàng;
 - + Hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng này đã hết hạn vào ngày 21/01/2022. Các khoản vay quá hạn đã được ký các hợp đồng tín dụng cụ thể và phụ lục gia hạn bổ sung.
- (2) Các Hợp đồng vay cá nhân với thời hạn 01 tháng, không tính lãi suất, với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư của công ty.

Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
- Vay	80.744.159.087	43.701.417.598	81.580.159.087	33.456.542.794
	80.744.159.087	43.701.417.598	81.580.159.087	33.456.542.794

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	32.651.550.000	3.102.723.500	(28.225.154.524)	7.529.118.976
Lỗi trong năm trước	-	-	(1.492.747.472)	(1.492.747.472)
Số dư cuối năm trước	32.651.550.000	3.102.723.500	(29.717.901.996)	6.036.371.504
Số dư đầu năm nay	32.651.550.000	3.102.723.500	(29.717.901.996)	6.036.371.504
Lỗi trong năm nay	-	-	(998.206.658)	(998.206.658)
Số dư cuối năm nay	32.651.550.000	3.102.723.500	(30.716.108.654)	5.038.164.846

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	51,00	16.652.990.000	51,00	16.652.990.000
Ông Ngô Quốc Thịnh	10,00	3.266.000.000	10,00	3.266.000.000
Ông Nguyễn Gia Khánh	7,25	2.367.100.000	7,25	2.367.100.000
Các cổ đông khác	31,75	10.365.460.000	31,75	10.365.460.000
	100,00	32.651.550.000	100,00	32.651.550.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	32.651.550.000	32.651.550.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>32.651.550.000</i>	<i>32.651.550.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>32.651.550.000</i>	<i>32.651.550.000</i>
d) Cổ phiếu		
	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.265.155	3.265.155
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	3.265.155	3.265.155
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.265.155</i>	<i>3.265.155</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.265.155	3.265.155
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.265.155</i>	<i>3.265.155</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG		
a) Tài sản thuê ngoài		
<p>Công ty ký hợp đồng thuê đất số 237/HH-TĐ với Sở Địa chính tỉnh Ninh Bình, thuê lại lô đất thuộc sở hữu nhà nước tại đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc, nhà xưởng sản xuất từ ngày 01/07/2003 đến ngày 01/07/2046. Diện tích khu đất thuê là 29.872 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.</p>		
b) Ngoại tệ các loại		
	31/12/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	21,53	21,53
20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	835.877.065	1.326.573.360
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.200.000.000	519.305.700
Doanh thu hợp đồng xây dựng	46.325.805.890	66.093.503.480
	48.361.682.955	67.939.382.540
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (<i>Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32</i>)	7.553.583.557	27.566.948.949
21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	406.498.983	1.096.547.423
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	891.857.253	-
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	43.499.651.771	63.153.401.230
	44.798.008.007	64.249.948.653
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan	441.989.444	851.054.220

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	28.475.394	1.115.890
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	72.221.259
	28.475.394	73.337.149

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.222.224	57.211.020
Chi phí nhân công	3.784.263.112	4.000.875.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.988.462	58.373.203
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	17.719.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.555.027	317.242.534
Chi phí khác bằng tiền	82.327.000	40.601.000
	4.204.355.825	4.492.023.051

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	19.090.909	-
Tiền phạt thu được	8.000.000	-
Doanh thu cho thuê kho bãi	-	200.000.000
	27.090.909	200.000.000

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	413.092.084	752.187.857
Chi phí đất cho thuê kho bãi	-	200.000.000
	413.092.084	952.187.857

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(998.206.658)	(1.481.439.872)
Các khoản điều chỉnh tăng	413.092.084	752.187.857
- Chi phí không hợp lệ	413.092.084	752.187.857
Thu nhập chịu thuế TNDN	(585.114.574)	(729.252.015)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	11.307.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	303.163.186
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(314.470.786)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	-

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(998.206.658)	(1.492.747.472)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(998.206.658)	(1.492.747.472)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.265.155	3.265.155
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(306)	(457)

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.911.033.506	4.816.476.740
Chi phí nhân công	17.265.361.745	23.795.305.614
Chi phí khấu hao tài sản cố định	522.971.794	1.108.167.635
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.415.029.729	33.541.936.218
Chi phí khác bằng tiền	935.475.807	670.908.542
	52.049.872.581	63.932.794.749

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMASố 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền	455.609.313	-	-	455.609.313
Phải thu khách hàng, phải thu khác	102.506.094.351	-	-	102.506.094.351
Các khoản cho vay	138.200.000	291.702.780	-	429.902.780
	<u>103.099.903.664</u>	<u>291.702.780</u>	<u>-</u>	<u>103.391.606.444</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	1.887.055.168	-	-	1.887.055.168
Phải thu khách hàng, phải thu khác	98.645.926.614	-	-	98.645.926.614
Các khoản cho vay	311.600.000	138.200.000	-	449.800.000
	<u>100.844.581.782</u>	<u>138.200.000</u>	<u>-</u>	<u>100.982.781.782</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	81.714.159.087	-	-	81.714.159.087
Phải trả người bán, phải trả khác	85.327.633.624	-	-	85.327.633.624
Chi phí phải trả	1.925.572.120	-	-	1.925.572.120
	<u>168.967.364.831</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>168.967.364.831</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMASố 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	81.835.159.087	-	-	81.835.159.087
Phải trả người bán, phải trả khác	78.747.350.520	-	-	78.747.350.520
Chi phí phải trả	3.211.957.580	-	-	3.211.957.580
	163.794.467.187	-	-	163.794.467.187

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . THÔNG TIN KHÁC

1. Theo "Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024" số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/01/2024 của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP, Đại hội đồng Cổ đông đã đưa ra Quyết nghị về việc: Thông qua Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021 - 2025. Đề án đã đưa ra nội dung "Thoái toàn bộ vốn góp của Tổng công ty tại 19 công ty con, công ty liên kết, đầu tư tài chính" trong đó có Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama.

2. Theo Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 27/1/2022, UBND tỉnh Ninh Bình đã phê duyệt quy hoạch chi tiết lô đất VI-09 và lô VI-13 thuộc Quy hoạch phân khu Khu đô thị hiện hữu khu 1-1-B, 1-1-C trong Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, vị trí hiện trạng là Trụ sở Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama tại số 72E đường Hoàng Diệu, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, được quy hoạch là đất ở kết hợp thương mại dịch vụ, đất cây xanh. Theo biên bản làm việc ngày 08/07/2022 giữa phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Ninh Bình và Công ty về vị trí địa điểm và hình thức giao đất di chuyển trụ sở Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama đã thống nhất nội dung vị trí, diện tích đề nghị bố trí địa điểm di chuyển là lô H2 bám mặt đường Đinh Tiên Hoàng, phường Ninh Khánh thuộc quy hoạch chi tiết khu Đô Thị Ninh Khánh, với diện tích 2000m². Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, thống nhất với đề xuất của phòng Tài nguyên Môi trường thành phố Ninh Bình theo hình thức nhà nước giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Công ty đề nghị cung cấp thông tin về giá khởi điểm để đấu giá, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại việc đấu giá vẫn chưa được diễn ra. Do chưa xác định được chính xác vị trí di chuyển trụ sở vì vậy Công ty chưa có kế hoạch và dự kiến chi phí di dời liên quan đến nội dung nêu trên.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lilama 5	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lilama 7	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lilama 45-3	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lilama 10	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lilama 18	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lilama 69-3	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.553.583.557	27.566.948.949
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	6.590.584.457	26.680.312.549
Công ty Cổ phần Lilama 69-3	962.999.100	886.636.400
Mua hàng hóa dịch vụ	441.989.444	851.054.220
Công ty Cổ phần Lilama 69-3	285.200.000	187.520.000
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	156.789.444	663.534.220

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Nguyễn Văn Triều	Chủ tịch HĐQT	172.000.000	240.000.000
Ông Ngô Quốc Thịnh	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Trương Tấn Tuyền	Thành viên HĐQT - Miễn nhiệm ngày 24/04/2025	-	21.000.000
Ông Dương Thanh Phương	Thành viên HĐQT - Bổ nhiệm ngày 24/04/2025	24.000.000	-
Ông Hoàng Thế Bình	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	280.572.586	274.092.809
Ông Nguyễn Mạnh Hường	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	220.732.896	215.997.046
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng giám đốc	199.504.391	195.484.414
Ông Lại Việt Tân	Trưởng ban BKS	36.000.000	36.000.000
Bà Trần Thị Như Quỳnh	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Tuấn Minh	Thành viên BKS - Bổ nhiệm ngày 24/04/2025	16.000.000	-
Bà Trần Thị Minh Phượng	Thành viên BKS - Miễn nhiệm ngày 24/04/2025	8.000.000	62.055.363

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



(Handwritten signatures in blue ink)

Đỗ Mạnh Thành
Người lập

Nguyễn Mạnh Hường
Kế toán trưởng

Hoàng Thế Bình
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2026

